HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 146/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Xét Tờ trình số 14082/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra số 400/BC-VHXH ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp) về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng;

b) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sắp xếp) về việc quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

c) Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 25/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về việc quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

d) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước làm việc trên địa bàn tỉnh;

đ) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh;

e) Nghị quyết số 263/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp) về việc ban hành quy định chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030;

g) Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về việc bãi bỏ một phần các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận;

h) Nghị quyết số 307/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được cử đi đào tạo, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng.

b) Viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng được cử đi bồi dưỡng, bao gồm:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh sách và các đối tượng công tác trong hệ thống chính trị nhưng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc cử đối tượng tại Điều 2 Quy định này đi đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn ngạch công chức gắn với công tác quản lý, sử dụng nhân lực; phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Công tác tổ chức được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ đúng phân cấp quản lý của tỉnh.

2. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy định này do ngân sách tỉnh hỗ trợ ngoài chính sách quy định của Trung ương. Các mức chi tại Điều 9 Quy định này triển khai thực hiện tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức *(sau đây viết tắt là Thông tư số 100/2025/TT-BTC).*

3. Thời gian đi học để làm căn cứ hưởng chế độ quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này được xác định theo giấy báo nhập học tập trung của cơ sở đào tạo; trường hợp đối tượng đáp ứng đủ điều kiện hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

4. Không cử đi học và không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với trường hợp một cá nhân tham gia nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng trong cùng một thời điểm.

5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng không thuộc Điều 2 Quy định này do cá nhân, cơ quan, đơn vị tự bảo đảm từ nguồn kinh phí hoạt động hoặc các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

6. Các nội dung liên quan đến chi phí đào tạo, bồi dưỡng không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Các ngành, lĩnh vực đào tạo

1. Chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo.

2. Quy hoạch và phát triển đô thị, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng, xây dựng và phát triển đô thị thông minh, kiến trúc, công trình phòng chống thiên tai, xử lý sự cố môi trường, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai.

3. Nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng, chế biến và bảo quản nông, lâm, thủy sản, chế biến và bảo quản thực phẩm; công nghệ sau thu hoạch; bảo vệ thực vật, công nghệ sinh học.

4. Đối ngoại, hội nhập, thương mại quốc tế, thương mại điện tử và marketing, quản trị chiến lược và đổi mới sáng tạo, logistics.

5. Áp dụng cho giảng viên trong biên chế của Trường Chính trị tỉnh: Triết học; Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Hồ Chí Minh học; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; các ngành pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý công; các ngành Kinh tế học, kinh tế chính trị.

Chương II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
Mục 1
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC

Điều 5. Đào tạo sau đại học

1. Điều kiện, tiêu chuẩn

Đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Quy định này được cử đi đào tạo sau đại học các chuyên ngành tại Điều 4 Quy định này khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cán bộ, công chức đáp ứng theo Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức *(sau đây viết tắt là Nghị định số 171/2025/NĐ-CP).*

b) Đối với viên chức đáp ứng theo khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức *(sau đây viết tắt là Nghị định số 259/2026/NĐ-CP)*.

2. Mức hỗ trợ:

a) Chi phí dịch vụ đào tạo (học phí): 100% học phí theo hóa đơn, biên lai thu học phí của cơ sở đào tạo.

b) Chi phí nghiên cứu, học tập đối với trường hợp khoảng cách từ nơi làm việc đến nơi đào tạo từ 50km trở lên:

Trình độ tiến sĩ: 220.000.000 đồng/học viên/khóa học;

Trình độ thạc sĩ: 120.000.000 đồng/học viên/khóa học.

c) Chi phí nghiên cứu, học tập đối với trường hợp khoảng cách từ nơi làm việc đến nơi đào tạo dưới 50km:

Trình độ tiến sĩ: 150.000.000 đồng/học viên/khóa học;

Trình độ thạc sĩ: 75.000.000 đồng/học viên/khóa học.

3. Chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, là phụ nữ mang theo con dưới 36 tháng tuổi được cử đi đào tạo theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc:

a) Nam người dân tộc thiểu số: 30.000 đồng/ngày/người;

b) Nữ người dân tộc Kinh: 30.000 đồng/ngày/người;

c) Nữ người dân tộc thiểu số: 35.000 đồng/ngày/người;

d) Nữ đi học mang theo con dưới 36 tháng tuổi: 40.000 đồng/ngày/người.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo đủ điều kiện hưởng các mức hỗ trợ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này thì được hưởng 50% mức hỗ trợ ngay khi được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cử đi học; 50% mức hỗ trợ còn lại được hưởng sau khi hoàn thành khóa học và được cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp. Kinh phí hỗ trợ tại khoản 3 Điều này được thanh toán sau khi học viên kết thúc từng học kỳ theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo lý luận chính trị

Đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Quy định này được cử đi đào tạo lý luận chính trị được hỗ trợ như sau:

1. Đối tượng được cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị:

a) Hệ tập trung: 1,0 mức lương cơ sở/tháng.

b) Tốt nghiệp xếp loại xuất sắc: 12.000.000 đồng/người.

2. Đối tượng được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị tốt nghiệp xếp loại xuất sắc: 6.000.000 đồng/người.

Điều 7. Bồi dưỡng

1. Đối tượng hỗ trợ

Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này được cử đi tham gia các lớp bồi dưỡng do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ học phí: Hỗ trợ 100% học phí theo hóa đơn, biên lai của cơ sở bồi dưỡng hoặc theo hợp đồng bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ký kết.

b) Hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi làm việc đến nơi bồi dưỡng: Theo giá vé chính thức của phương tiện giao thông công cộng (tàu hỏa, tàu thủy, máy bay, xe buýt liên tỉnh, xe điện, ...) tại thời điểm cử đi bồi dưỡng gồm một lượt đi và về, các ngày nghỉ lễ trong năm theo quy định của Chính phủ, các ngày nghỉ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, Tết truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số).

c) Hỗ trợ lưu trú, tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Mục 2

ĐÀO TẠO Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Đào tạo sau đại học

1. Điều kiện, tiêu chuẩn

Đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Quy định này được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với cán bộ, công chức đáp ứng theo Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

b) Đối với viên chức đáp ứng theo khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

c) Có trình độ chuyên môn, năng lực, có nguyện vọng và triển vọng trở thành chuyên gia giỏi phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Lâm Đồng.

d) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo.

đ) Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

e) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đào tạo hằng năm, chuyên ngành đào tạo thuộc danh mục các ngành, lĩnh vực tại Điều 4 Quy định này.

g) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, người được cử đi đào tạo có nguyện vọng tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ ở những chuyên ngành thuộc danh mục các ngành, lĩnh vực tại Điều 4 Quy định này thì được xem xét tiếp tục cử đi đào tạo. Thời gian cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với trường hợp này bao gồm thời gian cam kết khi cử đi đào tạo thạc sĩ cộng với thời gian cam kết khi cử đi đào tạo tiến sĩ.

2. Hình thức và mức chi

a) Học phí: Được thanh toán theo thông báo thu học phí của cơ sở đào tạo từng học kỳ.

b) Các khoản chi phí khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 146/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Thanh toán qua tài khoản cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III
MỨC CHI CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG

Điều 9. Mức chi

Nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện:

1. Mức chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (bao gồm tiền công soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 04 tiết học)

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư: Mức chi là 3.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các chức danh tương đương; Chuyên gia cao cấp, Phó Giáo sư: Mức chi là 2.500.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Tiến sĩ khoa học: Mức chi là 2.000.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và các chức danh tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Tỉnh ủy viên, Giám đốc sở và các chức danh tương đương; Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp, Chuyên viên cao cấp và tương đương: Mức chi là 1.800.000 đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (không là Tỉnh ủy viên), Phó Giám đốc Sở và các chức danh tương đương; Giảng viên chính, Chuyên viên chính và tương đương: Mức chi là 1.500.000 đồng/người/buổi.

e) Ngoài các chức danh, học hàm, học vị nêu trên, giảng viên, báo cáo viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Mức chi là 800.000 đồng/người/buổi; giảng viên, báo cáo viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị cấp xã: Mức chi là 500.000 đồng/người/buổi.

g) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng quy định tại điểm này thì áp dụng mức chi tiền công cao nhất; trợ giảng bằng 50% mức chi tiền công đối với giảng viên, báo cáo viên tương ứng.

2. Đối với viên chức, giảng viên Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm chính trị cấp xã làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ, không trả thù lao giảng viên theo khoản 1 Điều này. Trường hợp được mời tham gia giảng dạy, báo cáo tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng do các đơn vị khác tổ chức thì vẫn được hưởng chế độ thù lao giảng viên, báo cáo viên theo quy định này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Đền bù kinh phí đào tạo

1. Việc đền bù kinh phí đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định từ Điều 6 đến Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

2. Việc đền bù kinh phí đào tạo sau đại học đối với viên chức được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đã nhận kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Quy định này nhưng trong thời gian thực hiện nghĩa vụ cam kết sau đào tạo bỏ việc hoặc chuyển công tác ra ngoài tỉnh (trừ trường hợp chuyển công tác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền) thì phải đền bù kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các Chương trình/Đề án/Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình/Đề án/Dự án đó.

4. Kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức nữ khi tham gia đào tạo mang theo con dưới 36 tháng tuổi được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các nguồn kinh phí khác của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí và đã triển khai thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành khóa học thì tiếp tục thực hiện mức chi theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đang được áp dụng tại thời điểm phê duyệt kế hoạch, dự toán.

2. Các trường hợp đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, chương trình, đề án của cấp có thẩm quyền trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành khóa học thì tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách, bao gồm mức thưởng thành tích sau khi học tập (nếu có) theo các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.